

**TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**  
**VIGLACERA CORPORATION - JSC**

Số / No : 221 /TCT-CBTT

“V/v: Thay đổi ngành nghề kinh doanh

Re: *Change in certificate business registration details*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2026

*Hanoi, June 10, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN / INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM  
- *State Securities Commission*  
- *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Company name*: Tổng công ty Viglacera - CTCP/*Viglacera Corporation-JSC*
- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: VGC
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Tầng 16 & 17 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Hà Nội/*16th & 17th Floor, Viglacera Tower, No 1 Thang Long Avenue, Dai Mo ward, Hanoi*
- Điện thoại/*Tel*: 024.35536660 Fax/*Fax*: 024.35536671
- Người thực hiện công bố thông tin/*Person to disclose information*: Bà/Mrs. Trần Thị Minh Loan  
Chức vụ/*Position*: Người được ủy quyền thực hiện Công bố thông tin/*Person authorised to disclose information*
- Loại CBTT/*Disclosure type*:  Định kỳ/*Periodic*  Bất thường/*Extraordinary*  24h/24h  Khác/*Others*

**Công bố thông tin / Information disclosure:**

Ngày 10/06/2026 Tổng công ty nhận được giấy xác nhận số 277406/26 ngày 09/06/2026 của Sở tài chính Thành phố Hà nội về việc Tổng công ty Viglacera-CTCP đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh và thông tin đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*In June 10, 2026 Viglacera Corporation - JSC receives a letter No 277406/26 date June 09 2026 of Ha noi Finance Department about VGC submitted re quest to change the Charter of Organization and Operation and the changes have been updated to National registration information system.*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin này / *We hereby certify that the information disclosed above is correct and will bear the responsibility to the law for its content.*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty ngày 10/06/2026 tại đường dẫn:  
<https://www.viglacera.com.vn/>

*This information has been published on the Corporation's website on 10/06/2026: <https://www.viglacera.com.vn>*

Nơi nhận/Receipt:

- Như kính gửi/As regard;
- Lưu/Archive: VP, TCKT/HO, F&A

**Đại diện tổ chức**  
**Company representative**  
Người được Ủy quyền CBTT  
*Authorised person to Disclose information*



**Trần Thị Minh Loan**

Bản công bố thông tin và các tài liệu Tiếng Anh kèm theo là bản dịch Tiếng Anh và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

*This disclosure and any document attached in English is an English translation and is for informational purposes only. In case of any discrepancy or inconsistent understanding between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version will take precedence.*

**TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**  
**VIGLACERA CORPORATION - JSC**

Số / No : 224 /TCT-CBTT

“V/v: Thay đổi ngành nghề kinh doanh

Re: Change in certificate business registration details”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2026

Hanoi, 10 June 2026

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**  
**NOTICE OF CHANGE IN BUSINESS REGISTRATION CERTIFICATE DETAILS**

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
- State Securities Commission
- Ho Chi Minh Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp nhận ngày 10/06/2026 do Sở tài chính Thành phố Hà nội cấp ngày 09/06/2026, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty Viglacera - CTCP như sau:

*According to the certificate No 277406/26 issued by Ha noi Finance Department on June 09<sup>th</sup> 2026 that we receive on June 10<sup>th</sup> 2026, we respectfully disclose the change to the Business Registration Certificate details of Viglacera Corporation - JSC as follows:*

- Tên tổ chức/Company name: Tổng công ty Viglacera - CTCP/Viglacera Corporation-JSC
- Mã chứng khoán/Stock symbol: VGC
- Địa chỉ trụ sở chính/Head office address: Tầng 16 & 17 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Phường Đại Mỗ, Hà Nội/16th & 17th Floor, Viglacera Tower, No 1 Thang Long Avenue, Me Tri, Dai mo ward, Hanoi
- Điện thoại/Tel: 024.35536660 Fax/Fax: 024.35536671
- Email: vgc@hn.vnn.vn

**1. Thông tin trước khi thay đổi / Information before changes:**

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy xác nhận việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh do Sở tài chính Thành phố Hà nội cấp ngày 27/06/2025.

*Business lines: According to the certificate of change in Business registration issued by Ha noi Finance department on June 27<sup>th</sup> 2025.*

**2. Thông tin sau khi thay đổi / Information after changes:**

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy xác nhận việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh do Sở tài chính Thành phố Hà nội cấp ngày 09/06/2026.

*Business lines: According to the certificate of change in Business registration issued by Ha noi Finance department on June 09<sup>th</sup> 2026.*

**3. Lý do thay đổi / Reason for change:**

Áp lại mã ngành cũ và bổ sung chi tiết thêm nội dung của mã ngành đó theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

*Reinstating the existing business line codes and supplementing detailed descriptions of such business lines in accordance with Decision No. 36/2025/QĐ-TTg dated 29 September 2025 of the Prime Minister promulgating the Vietnam Standard Industrial Classification.*


**4. Ngày có hiệu lực / Effective date: 09/06/2026.**

**5. Ngày nhận được Xác nhận thay đổi / Date of Receipt of Business Registration Certificate:**  
10/06/2026.

**6. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 10/06/2026 tại đường dẫn/**

*This information has been published on the Company's website on 10/06/2026: <https://www.viglacera.com.vn>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin này / *I hereby certify that the information disclosed above is correct and will bear the responsibility to the law for its content.*

\*Đính kèm ĐKKD điều chỉnh   
*Amendment in Business Registration Certificate attached*

**Đại diện tổ chức**  
**Company representative**  
Người được Ủy quyền CBTT  
*Authorised person to Disclose information*



**Trần Thị Minh Loan**

Bản công bố thông tin và các tài liệu Tiếng Anh kèm theo là bản dịch Tiếng Anh và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.  
*This disclosure and any document attached in English is an English translation and is for informational purposes only. In case of any discrepancy or inconsistent understanding between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version will take precedence.*

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026

Số:



## GIẤY XÁC NHẬN

### Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP: Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: *Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 024 38248989 máy lẻ 191 Số Fax:

Thư điện tử: [pdkkdtdn\\_sotc@hanoi.gov.vn](mailto:pdkkdtdn_sotc@hanoi.gov.vn)

Website: [www.sotaichinh.hanoi.gov.vn](http://www.sotaichinh.hanoi.gov.vn)

#### Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY VIGLACERA -CTCP

Mã số doanh nghiệp: 0100108173

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Lập dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng	7110
2	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619

STT	Tên ngành	Mã ngành
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê + Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; + Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; + Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; + Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; + Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.	6810(Chính)
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; Sản xuất kính tiết kiệm năng lượng; sản xuất các chủng loại kính gương.	3290
5	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất vật liệu xây dựng; đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;	8559
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; Xuất nhập khẩu kính tiết kiệm năng lượng;	8299
8	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản;	0899

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;	4299
10	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết : Kinh doanh dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị thi công và dịch vụ vận tải;	7730
11	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Phân tích, giám định các loại tài nguyên, khoáng sản, hóa chất, nguyên liệu, thành phẩm, chất xử lý môi trường, cung cấp dịch vụ, tư vấn, giám sát, đánh giá tác động môi trường và công nghệ xử lý môi trường.	7120
12	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học công nghệ xử lý môi trường, triển khai ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm để tạo ra công nghệ, sản phẩm, vật liệu thiết kế, chế tạo thiết bị cho lĩnh vực xử lý môi trường và các ngành kinh tế khác. Tham gia tuyển chọn đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ khoa học - công nghệ của Nhà nước, bộ, ngành, doanh nghiệp. - Xử lý ô nhiễm trong các lĩnh vực môi trường tại các khu công nghiệp. - Phân tích chất lượng môi trường, xử lý môi trường trong nước và nước ngoài.	7212
13	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
14	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
15	Tái chế phế liệu	3830
16	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
17	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác Chi tiết: Dịch vụ cho thuê biệt thự, căn hộ, nhà khách, nhà trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày khác.	5520
18	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xử lý ô nhiễm và quản lý chất thải	3900
19	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị.	4679
20	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: Dịch vụ thể thao, vui chơi, giải trí;	9329

STT	Tên ngành	Mã ngành
21	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (chỉ hoạt động định giá bất động sản tại sàn giao dịch); - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản;	6821
22	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về môi trường (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); - Tư vấn chuyển giao công nghệ; - Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất, thực hiện các dịch vụ thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định nguyên liệu, vật liệu xây dựng.	7499
23	Bán lẻ tổng hợp khác	4719
24	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản. - Dịch vụ tư vấn bất động sản;	6829
25	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; Kinh doanh kính tiết kiệm năng lượng; Kinh doanh các chủng loại kính gương.	4673
26	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - Tìm hiểu mặt bằng xây dựng; - Dịch vụ định hình và giải phóng mặt bằng; - Dịch vụ đào bới và di dời đất; - Dịch vụ chuẩn bị công trường để khai thác mỏ (ngoại trừ các dịch vụ: bán các vật liệu từ các dịch vụ tháo dỡ và đập bỏ; dò mìn, nổ mìn và các loại tương tự, các hoạt động liên quan đến khai thác mỏ, khoáng sản, dầu và khí đốt; khử độc cho đất)	4312
27	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác, xử lý và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác.	3600

STT	Tên ngành	Mã ngành
28	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229
30	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

**Nơi nhận:**

-TỔNG CÔNG TY VIGLACERA -CTCP.  
Địa chỉ:Tầng 16 và 17 tòa nhà Viglacera,  
số 1, Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Đặng Thị Huệ.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Hữu Lương**

No.

Hanoi, 09 June 2026

**CERTIFICATE**

**Re: Changes to Enterprise Registration Contents**

**BUSINESS REGISTRATION AND ENTERPRISE FINANCE DIVISION –  
Hanoi City**

**Head Office:** Van Ho Complex – 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Viet Nam

**Telephone:** +84 24 3824 8989 (Extension 191)      **Fax:** \_\_\_\_\_

**Email:** [pdkkdtcdn\\_sotc@hanoi.gov.vn](mailto:pdkkdtcdn_sotc@hanoi.gov.vn)

**Website:** [www.sotaichinh.hanoi.gov.vn](http://www.sotaichinh.hanoi.gov.vn)

**Certification:**

Enterprise Name: VIGLACERA CORPORATION – JSC

Enterprise Registration Number: 0100108173

**The enterprise has notified the business registration authority of changes to its enterprise registration contents.**

The enterprise's information has been updated in the National Enterprise Registration Information System as follows:

No.	Business line	Code
	Architectural and related technical consultancy activities Details: - Construction investment project appraisal consultancy; - Preparation of construction investment projects; - Construction investment project management consultancy.	7110
	Other financial service support activities not elsewhere classified Details: Investment consultancy (excluding legal, financial, tax, auditing, accounting and securities consultancy services).	6619

	<p>3. Real estate business; land use rights owned, occupied or leased</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Investment in the development of houses and construction works for sale, lease or lease-purchase;</li> <li>• Purchase of houses and construction works for sale, lease or lease-purchase;</li> <li>• Lease of houses and construction works for sublease;</li> <li>• Investment in land improvement and infrastructure development on leased land for leasing land with infrastructure;</li> <li>• Receipt of transfers of land use rights; investment in infrastructure works for transfer or lease; lease of land use rights with existing infrastructure for sublease.</li> </ul>	6810 (Main)
	<p>Manufacture of other products not elsewhere classified</p> <p>Details: Manufacture of various types of construction materials, raw materials, fuels, supplies, equipment, spare parts and machinery accessories; equipment serving the production of construction materials, construction and urban development; baked clay bricks and roof tiles; ceramic tiles; granite tiles; clinker bricks; Autoclaved Aerated Concrete (AAC); cotto tiles and other construction materials; construction glass products, decorative glass, safety glass; sanitary ware products and sanitary accessories; sanitary equipment; industrial valves; materials and equipment for the water sector; water, gas and heat meters; bathtubs; water heaters; manufacture of energy-saving glass; manufacture of mirror glass products.</p>	3290
	<p>Other education not elsewhere classified</p> <p>Details: Training and professional development for managerial staff, technical staff and workers engaged in the production of construction materials; training and career orientation for Vietnamese employees and experts working overseas under fixed-term employment contracts.</p>	8559
	Restaurants and mobile food service activities	5610

	Details: Restaurant services (excluding the operation of bars, karaoke establishments and dance clubs);	
	Other business support service activities not elsewhere classified  Details: Import and export of various types of construction materials, raw materials, fuels, supplies, equipment, spare parts and machinery accessories; equipment serving the production of construction materials, construction and urban development; brick products, baked clay roof tiles, ceramic tiles, granite tiles, clinker bricks, Autoclaved Aerated Concrete (AAC), cotto tiles and other construction materials; construction glass products, decorative glass, safety glass; sanitary ware products and sanitary ware accessories; sanitary equipment; industrial valves; materials and equipment for the water sector; water, gas and heat meters; bathtubs; water heaters; import and export of energy-saving glass products;	8299
	Other mining and quarrying not elsewhere classified  Details: Mining and processing of minerals;	0899
	Construction of other civil engineering projects  Details: Construction of civil, industrial, transportation, irrigation and hydropower works; power transmission lines and substations; urban infrastructure works; industrial parks;	4299
	Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods without operator  Details: Provision of construction machinery and equipment rental services and transportation services;	7730
	Technical testing and analysis  Details: Analysis and assessment of natural resources, minerals, chemicals, raw materials, finished products and environmental treatment materials; provision of services, consultancy, supervision, environmental impact assessment and environmental treatment technologies.	7120
	Scientific research and technological development in the field of engineering and technology	7212

	<p>Details:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Conducting scientific research on environmental treatment technologies; applying technological advances, including basic research, applied research and pilot production to develop technologies, products, materials, designs and equipment for environmental treatment and other economic sectors.</li> <li>• Participating in bidding processes for the implementation of science and technology tasks commissioned by the State, ministries, sectors and enterprises.</li> <li>• Environmental pollution treatment in industrial zones and other environmental sectors.</li> <li>• Analysis of environmental quality and environmental treatment services both domestically and internationally.</li> </ul>	
	Sewerage and wastewater treatment	3700
	Treatment and disposal of non-hazardous waste	3821
	Materials recovery	3830
	Hotels and similar accommodation (Excluding the operation of bars, karaoke establishments and dance clubs)	5510
	Other short-stay accommodation activities  Details: Rental services of villas, apartments, guest houses, lodging houses and other short-stay accommodation establishments.	5520
	Remediation activities and other waste management services  Details: Pollution treatment and waste management.	3900
	Wholesale of other specialized products not elsewhere classified  Details: Trading in raw materials, fuels, supplies, equipment, spare parts and machinery accessories; equipment serving the production of construction materials, construction and urban development.	4679
	Other amusement and recreation activities	9329

	Details: Sports, amusement and recreation services.	
	Real estate agency activities  Details: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Real estate trading floor services (limited to real estate valuation activities conducted at the trading floor);</li> <li>• Real estate brokerage services;</li> <li>• Real estate advertising services;</li> </ul>	6821
	Other professional, scientific and technical activities not elsewhere classified  Details: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Environmental consultancy services (excluding legal, financial, tax, auditing, accounting and securities consultancy);</li> <li>• Technology transfer consultancy services;</li> <li>• Research, application and transfer of production technologies; provision of testing, experimentation and inspection services for raw materials and construction materials.</li> </ul>	7499
	Other retail sale in non-specialized stores	4719
	Other real estate activities on a fee or contract basis  Details: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Property management services;</li> <li>• Real estate valuation services;</li> <li>• Real estate consultancy services;</li> </ul>	6829
	Wholesale of construction materials and other installation equipment  Details: Trading in various types of construction materials; baked clay bricks and roof tiles; ceramic tiles; granite tiles; clinker bricks; Autoclaved Aerated Concrete (AAC); cotto tiles and other construction materials; construction glass products, decorative glass, safety glass; sanitary ware products and sanitary ware accessories;	4673

	sanitary equipment; industrial valves; materials and equipment for the water sector; water, gas and heat meters; bathtubs; water heaters; trading in energy-saving glass products; trading in various types of mirror glass products.	
	<p>Site preparation</p> <p>Details:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Site investigation for construction projects;</li> <li>• Site clearance and land acquisition services;</li> <li>• Excavation and earthmoving services;</li> <li>• Mine site preparation services (excluding the sale of materials recovered from demolition and dismantling activities; drilling, blasting and similar activities; activities associated with the extraction of minerals, crude oil and natural gas; soil decontamination services).</li> </ul>	4312
	<p>Water collection, treatment and supply</p> <p>Details: Collection, treatment and commercial supply of clean water for domestic use, production activities and other purposes.</p>	3600
	Manufacture of concrete and products of concrete, cement and plaster	2395
	<p>Other support activities for transportation</p> <p>Details: Freight forwarding and transport agency services; logistics services; other support activities for transportation not elsewhere classified.</p>	5229
	(For conditional business lines, the enterprise may conduct business activities only when all conditions prescribed by law have been satisfied.)	Business line not yet matched with the Viet Nam Standard Industrial Classification System.

**Recipients:**

-VIGLACERA CORPORATION – JSC  
Address: 16th and 17th Floors, Viglacera Tower,  
No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward,  
Hanoi City, Viet Nam

-.....;

-Archived: Ms. Dang Thi Hue. ....;

ACTING HEAD OF DIVISION

DEPUTY HEAD OF DIVISION